TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đoàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Lê Hoàng Quân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1172/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2021, về việc "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8537/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8906/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1969
Địa chỉ: C, khu phố N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Minh L, sinh năm 1957
Địa chỉ: Số H Đ, khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị Kim P có mặt, ông Lâm Minh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:*

Bà và ông Lâm Minh L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là

thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01 vào ngày 21/5/1992.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bà và ông L có lối sống, tính cách khác biệt nên thường xuyên cãi vã, xung đột. Trong cuộc sống hằng ngày giữa bà và ông L không có sự chia sẻ, quan tâm nên tình cảm vợ chồng thiếu sự gắn kết và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù hai bên đã cố gắng dung hòa mâu thuẫn để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung giữa bà và ông L ngày càng căng thẳng, mệt mỏi nên bà đã tách ra ngoài sống riêng từ năm 2013 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung, bà và ông L có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng có tổng diện tích là 112.631,7 m^2 gồm các thửa đất sau: Thửa đất số 38, 73, 65, 69, 73 có diện tích 34.740,5 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 38, có diện tích 18.097,3 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 38 có diện tích 28.077,1 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 76 có diện tích 31.716,8 m^2, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169498 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169502 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169503 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169504 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 924075 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 23/3/2021.

Bà P yêu cầu chia đôi tài sản nêu trên và yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 56.315,85 m^2.

Tuy nhiên, ngày 09/11/2022, Bà P có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này. Bà và ông L sẽ tự thương lượng thỏa thuận phân chia tài sản.

Về nợ chung: Bà P xác định không có.

Ngoài ra, bà P không có yêu cầu nào khác.

* *Tại bản tự khai ngày 28/12/2021, biên bản hòa giải ngày 28/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lâm Minh L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: ông L xác nhận quá trình tiến tới hôn nhân đúng như ý kiến trình bày của Bà P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ năm 2013, Bà P đã tự ý dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay, dẫn đến vợ chồng thiếu sự yêu thương, gắn bó và mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng. Tại Tòa ông xác định không còn tình cảm với Bà P, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: ông L xác nhận trong thời gian sống chung, ông và Bà P có tài sản chung đúng như Bà P trình bày. Nguồn gốc các thửa đất trên là do ông và Bà P nhận chuyển nhượng (bằng giấy tay) của ông Lê Minh T, ông Nguyễn T và ông Nguyễn T vào năm 1996 và năm 1998. Hiện toàn bộ quyền sử dụng đất này đã được ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Tuy nhiên, ông L không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của Bà P mà chỉ đồng ý chia cho Bà P phần đất khoảng 30.000 m^2 ở trong cùng, không có lối đi ra, nhưng ông cũng không nắm rõ phần đất trên ở vị trí nào, thửa đất nào. Nguyên nhân ông không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của Bà P là vì thời điểm mua đất năm 1996, mẹ ông có cho riêng ông 06 cây vàng (nhưng không có giấy tờ cho riêng) để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ngoài ra, các con riêng của ông L thỉnh thoảng có cho ông tiền tiêu xài (nhưng cũng không có giấy tờ gì) nên có công sức đóng góp của gia đình ông. Việc mẹ ông cho vàng mua đất, cũng như các con cho tiền chăm sóc cây ông không có chứng cứ chứng minh. Đối với một phần diện tích đất của ông và Bà P đã được ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm thực hiện quy hoạch làm thủy điện Đa Br'len theo Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND huyện Bảo Lâm về việc thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân, để thực hiện dự án xây dựng thủy điện ĐaBr'Len với diện tích 8.741,1 m^2, thuộc một phần thửa số 69, 75, 102, tờ bản đồ số 38 (bản đồ dự án là thửa 39, 36, 40, tờ bản đồ số 4). Công ty thủy điện Đa Br"Len chưa chi trả số tiền thu hồi đền bù đất này. Ông đồng ý chia đôi tiền thu hồi, đền bù theo quyết định thu hồi của ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng như yêu cầu của Bà P.

Về nợ chung: ông L xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà được ly hôn với ông Lâm Minh L. Đồng thời, bà xác định vẫn giữ nguyên đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết chia tài sản trong vụ án này.

Bị đơn ông Lâm Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên

cứu, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn ông Lâm Minh L; con chung: không có; nợ chung: Các đương sự xác định không có và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021 về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường An Phú, thành phố Thủ Đức thì bị đơn ông Lâm Minh L cư trú tại địa chỉ số 2 Đặng Tiến Đông, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn ông Lâm Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim P và ông Lâm Minh L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/5/1992 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của bà P về việc ly hôn với ông L:

Theo bà P sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do giữa bà và ông L có lối sống, tính cách khác biệt. Trong cuộc sống hằng ngày hai bên cũng không có sự chia sẻ, quan tâm nên tình cảm vợ chồng thiếu sự gắn kết. Mặc dù hai bên đã cố gắng dung hòa mâu thuẫn để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. ông L cho rằng từ năm 2013, Bà P đã tự ý dọn

ra ngoài sinh sống cho đến nay, dẫn đến vợ chồng thiếu sự yêu thương, gắn bó và mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng. Đồng thời, ông L cũng xác nhận tình cảm với Bà P không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà P.

Xét, qua ý kiến trình bày của Bà P và ông L có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Bà P yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Hai bên xác định không có.

[2.3]. Về tài sản chung: Ngày 20/12/2021, Bà P có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia đôi tài sản chung là quyền sử dụng 112.631,7 m^2 đất gồm các thửa đất: Thửa đất số 38, 73, 65, 69, 73 có diện tích 34.740,5 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 38, có diện tích 18.097,3 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 38 có diện tích 28.077,1 m^2 đất trồng cây lâu năm. Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 76 có diện tích 31.716,8 m^2, theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169498 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169502 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169503 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 169504 do UBND huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 11/01/2012; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 924075 do ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Lâm Minh L ngày 23/3/2021. Bà P yêu cầu được nhận phần đất có diện tích 56.315,85 m^2. ông L không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của Bà P.

Ngày 09/11/2022, Bà P có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi kiện bổ sung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn trong vụ án này.

Xét thấy, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P rút yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021 là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn ông Lâm Minh L không có yêu cầu gì đối với tài sản chung. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021 về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn.

Về nợ chung: Bà P và ông L cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu. Hoàn trả cho Bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với ông Lâm Minh L.

- Về con chung: Các đương sự xác định không có.

- Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 20/12/2021 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P về việc chia tài sản khi ly hôn.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024921 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Bà P đã nộp đủ).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025507 ngày 31/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P tự nguyện chịu số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (theo phiếu thu ngày 06/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức). Bà P đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị Kim P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lâm Minh L vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Đoàn